

MỐI QUAN HỆ GIỮA CẢM NHẬN HẠNH PHÚC VÀ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Văn Trường

Trường Đại học Lạc Hồng, số 10 Huỳnh Văn Nghệ, Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: vantruong@lhu.edu.vn

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận: 17/8/2025	Cảm nhận hạnh phúc là một khái niệm đa chiều phản ánh trạng thái tâm lý và cảm xúc của cá nhân trong nhiều khía cạnh của cuộc sống. Nghiên cứu này nhằm khám phá mối liên hệ giữa cảm nhận hạnh phúc và kết quả học tập của sinh viên tại các trường đại học trên địa bàn của tỉnh Đồng Nai. Với mẫu nghiên cứu gồm 327 sinh viên, dữ liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS 22.0. Kết quả cho thấy cảm nhận hạnh phúc có ảnh hưởng tích cực đến kết quả học tập của sinh viên. Các yếu tố ảnh hưởng bao gồm: yếu tố ý nghĩa, có tác động mạnh nhất ($\text{Beta} = 1.031$), theo sau là sự gắn kết ($\text{Beta} = 1.012$), cảm xúc tích cực ($\text{Beta} = 0.868$), và thành tựu ($\text{Beta} = 0.649$). Những phát hiện này nhấn mạnh tầm quan trọng của cảm nhận hạnh phúc trong việc nâng cao kết quả học tập của sinh viên trong tương lai tại các cơ sở giáo dục.
Ngày hoàn thiện: 24/8/2025	
Ngày chấp nhận: 26/8/2025	
Ngày đăng: 15/9/2025	
TỪ KHÓA	
Cảm nhận hạnh phúc;	
Sinh viên;	
Kết quả học tập;	
Đại học;	
Đồng Nai.	

RELATIONSHIP BETWEEN WELL-BEING AND ACADEMIC SUCCESS FOR STUDENTS AT UNIVERSITIES IN DONG NAI PROVINCE

Nguyen Van Truong

Lac Hong University, No. 10 Huynh Van Nghe, Bui Long Ward, Bien Hoa, Dong Nai, Vietnam

*Corresponding Author: vantruong@lhu.edu.vn

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: Aug 17 th , 2025	Well-being is a multidimensional concept reflecting an individual's psychological and emotional state across various aspects of life. This study aims to explore the relationship between well-being and academic success of students at universities in Dong Nai Province. With a sample of 327 students, data were analysed using SPSS 22.0 software. The results show that well-being positively impacts students' academic performance. Influential factors include meaning, which has the strongest impact ($\text{Beta} = 1.031$), followed by engagement ($\text{Beta} = 1.012$), positive emotion ($\text{Beta} = 0.868$), and accomplishment ($\text{Beta} = 0.649$). These findings highlight the importance of well-being in enhancing students' academic performance in the future at educational institutions.
Revised: Aug 24 th , 2025	
Accepted: Aug 26 th , 2025	
Published: Sep 15 th , 2025	
KEYWORDS	
Well-being;	
Student;	
Academic performance;	
University;	
Dong Nai.	

Available online at: <https://js.lhu.edu.vn/index.php/lachong>

1. GIỚI THIỆU

Kết quả học tập của sinh viên đã và đang được xem là một trong những thước đo quan trọng để đánh giá chất lượng học tập, giảng dạy và chất lượng đào tạo của một cơ sở đào tạo nói chung. Hiện nay, giai đoạn học tập tại Đại học được xem là một trong những giai đoạn quan trọng và nhiều thách thức nhất đối với sinh viên, khi họ phải tự quản lý cuộc sống, học tập, và đối mặt với nhiều mối quan hệ xã hội mới cũng như áp lực về kiến thức mới, kỹ năng nghề nghiệp. Những thay đổi và thích nghi này có thể ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe tâm lý, sự phát triển cá nhân và cảm nhận hạnh phúc (HP) của riêng họ, từ đó tác động đến kết quả học tập của sinh viên ở cả khía cạnh tích cực và tiêu cực. Theo đó, chủ đề về cảm nhận HP của sinh viên đại học đã và đang trở thành một chủ đề được quan tâm, chú trọng không chỉ tại Việt Nam mà còn trên phạm vi toàn thế giới.

Nhiều nghiên cứu nước ngoài đã chỉ ra rằng cảm nhận HP có mối quan hệ mật thiết với kết quả học tập của sinh viên. Theo đó, kết quả học tập không chỉ bị ảnh hưởng bởi cấu trúc kiến thức và tính hiệu quả của quá trình xử lý thông tin mà còn liên quan đến các yếu tố về niềm tin, thái độ và giá trị [1]. Theo cách tiếp cận này, cảm nhận HP được xem là một biến số quan trọng không chỉ giúp cải thiện khả năng tập trung, năng động và sáng tạo mà còn tăng cường động lực học tập và khả năng giải quyết vấn đề của sinh viên một cách tích cực. Tuy nhiên, tại Việt Nam, các nghiên cứu về vấn đề này vẫn còn hạn chế về số lượng, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu. Đặc biệt là khu vực tỉnh Đồng Nai hoàn toàn chưa có nghiên cứu về vấn đề này. Xuất phát từ thực tế trên, việc nghiên cứu chuyên sâu về mối quan hệ giữa cảm nhận hạnh phúc và kết quả học tập tại các trường đại học ở Đồng Nai không chỉ góp phần cung cấp thêm thông tin hữu ích trong lĩnh vực giáo dục mà còn cung cấp cơ sở dữ liệu thực tiễn để các nhà quản lý giáo dục xây dựng những chiến lược, chính sách giáo dục hỗ trợ sinh viên một cách tốt nhất. Điều này không chỉ giúp cải thiện kết quả học tập mà còn nâng cao chất lượng môi trường học tập, nghiên cứu và sự phát triển toàn diện của sinh viên. Với những lý do trên, tác giả hy vọng rằng kết quả của nghiên cứu sẽ mang lại những đóng góp ý nghĩa trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và tạo ra một môi trường học tập thật sự tích cực và mang lại hạnh phúc cho sinh viên trong tương lai.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

2.1 Cảm nhận hạnh phúc

Cảm nhận HP được hiểu là sự đánh giá của mỗi cá nhân về sự hài lòng, dễ chịu đối với cuộc sống của họ, về mức độ được đáp ứng các nhu cầu cảm xúc một cách tích cực [2-4]. Mặt khác, HP là một đặc điểm đặc biệt quan trọng trong mỗi người. Hạnh phúc tương ứng với những gì chúng ta cảm nhận từ bên trong và bên ngoài [5-6]. Đôi khi, HP có thể được xác định là nhận thức tổng thể về cuộc sống của một người như một nhận thức trải nghiệm dài hạn. Khi một người xem xét tất cả các hoạt động mà họ đã thực hiện, người đó có thể có nhận thức tích cực hoặc tiêu cực về cuộc sống của mình. Nếu người đó nhận thức tích cực, nó có thể được xác định là HP. Từ đó, HP là một trạng thái cá nhân cảm thấy hạnh phúc và mức độ HP

có thể thay đổi tùy thuộc vào đặc điểm cá nhân. Kết quả là những sinh viên có mức độ hạnh phúc cao thường năng động hơn trong việc học tập và đạt tiến bộ cao trong giáo dục đại học.

Butler và cộng sự [7] cho rằng HP là sự có mặt của 5 yếu tố cơ bản là cảm xúc tích cực (positive emotion), sự gắn kết (engagement), các mối quan hệ (relationships), ý nghĩa (meaning) và thành tựu (accomplishment). Nghiên cứu nhấn mạnh sự liên kết giữa các yếu tố này và cho rằng HP là một cấu trúc đa chiều, đòi hỏi sự chú ý đến tất cả các yếu tố này để đạt được một cuộc sống cân bằng và viên mãn. Gunasekara và cộng sự [6] khi xem xét nghiên cứu về sinh viên đại học, mục tiêu chính của họ là thành công trong cuộc sống học tập. Các kế hoạch học tập ngắn hạn và dài hạn của họ đều hướng đến việc đạt điểm trung bình cao. Thông qua đó, họ mong muốn có được một tấm bằng loại tốt trước khi đi làm. Nếu gặp thất bại trong học tập, họ dễ dàng trở nên mệt mỏi, căng thẳng. Từ góc nhìn này, có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên đại học bao gồm cảm nhận về hạnh phúc của sinh viên.

2.2 Mối quan hệ giữa cảm nhận hạnh phúc và kết quả học tập của sinh viên

Thành công học tập là một mục tiêu quan trọng đối với sinh viên đại học. Cảm giác hạnh phúc và hài lòng với cuộc sống cá nhân có thể giúp sinh viên đạt được mục tiêu học tập của mình. Nhiều nhà nghiên cứu đã nghiên cứu mối quan hệ giữa hạnh phúc và thành công từ các góc độ khác nhau như thành công trong công việc và thành công trong học tập. Họ đã phát hiện ra rằng có thể tìm thấy mối quan hệ nhân quả giữa cảm xúc tích cực và thành công của người học [8-9]. Những phát hiện này có thể ngụ ý rằng thành công mang lại hạnh phúc và người hạnh phúc sẽ có xác suất cao hơn để đạt được thành công.

2.3 Các nghiên cứu trước đây

Có rất nhiều tác giả đã tiến hành nghiên cứu để tìm hiểu về cảm nhận hạnh phúc và kết quả học tập của sinh viên. Dưới đây là một số nghiên cứu tiêu biểu và kết quả cụ thể mà họ đã đưa ra:

Mustafa và cộng sự [10] đã đo lường trạng thái hạnh phúc về tâm lý và mối quan hệ của nó với thành tích học tập của sinh viên tại trường Đại học. Kết quả cho thấy có mối tương quan tích cực đáng kể giữa các khía cạnh của trạng thái hạnh phúc về tâm lý bao gồm làm chủ môi trường, phát triển cá nhân, mối quan hệ tích cực với người khác, mục đích sống và chấp nhận bản thân với thành tích học tập.

Tabbodi và cộng sự [1] đã tiến hành phân tích mối quan hệ giữa hạnh phúc và thành tích học tập của sinh viên. Kết quả nghiên cứu chỉ ra có mối quan hệ tích cực đáng kể giữa hạnh phúc và thành tích học tập của sinh viên. Cũng có một mối tương quan tích cực đáng kể giữa hạnh phúc và sự tiến bộ của sinh viên theo từng ngành học.

Gunasekara và cộng sự [3] đã nghiên cứu và kiểm chứng tác động của hạnh phúc đối với thành tích học tập của sinh viên đại học. Một mẫu sinh viên của Đại học Ruhuna đã được chọn để nghiên cứu. Phương pháp Hồi quy bậc thang và Tương quan Spearman đã được sử dụng

để đạt được mục tiêu chính. Cuối cùng, nghiên cứu cho thấy rằng HP có tác động tích cực đến thành tích học tập của sinh viên đại học. [6].

Bùi Văn Thời và cộng sự [11] đã tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến cảm nhận hạnh phúc của sinh viên Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các nhân tố: Chương trình đào tạo, Giảng viên, Sự hỗ trợ sinh viên, Cơ sở vật chất, Chương trình học tập tại doanh nghiệp, Hoạt động ngoại khóa, Cân bằng cuộc sống có tác động tích cực tới Cảm nhận HP của sinh viên Trường Đại học Nguyễn Tất Thành thông qua Sự hài lòng của sinh viên. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra, có sự khác biệt về mức tác động các biến trong mô hình giữa việc lựa chọn khối ngành theo học của sinh viên.

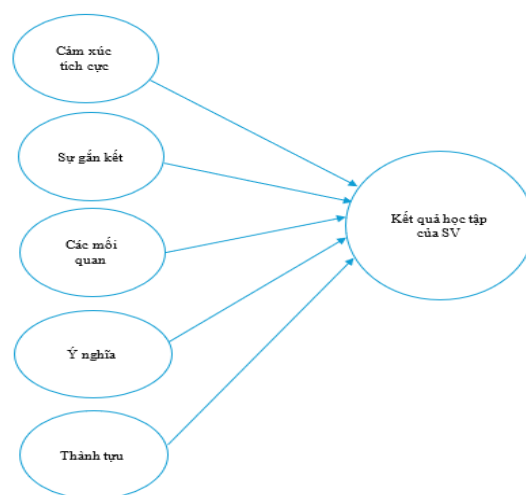
Nguyễn Văn Trường và cộng sự [12] đã thực hiện nghiên cứu về cảm nhận HP của sinh viên Khoa Giáo dục, trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn trên 4 phương diện về cảm xúc, tâm lý cá nhân, cảm nhận HP về xã hội và ở trường học. Kết quả nghiên cứu cho thấy không có sự khác biệt về ý nghĩa thống kê giữa yếu tố cảm nhận HP và các biến giới tính, chuyên ngành và niên khóa. Tuy nhiên, có sự khác biệt về mặt thống kê giữa các sinh viên có số lượng bạn thân khác nhau, cũng như có sự khác biệt về học lực và cảm nhận HP.

Đinh Thị Thi và cộng sự [13] đã tiến hành nghiên cứu nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến cảm nhận HP của sinh viên trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. Mô hình PERMA được sử dụng để đo lường cảm nhận HP của sinh viên. nghiên cứu cho thấy, cảm nhận HP của sinh viên chịu tác động bởi nhiều nhân tố và mỗi nhân tố có vai trò nhất định đối với từng thành phần của cảm nhận hạnh phúc. Nhu cầu giao tiếp và khẳng định bản thân là nhân tố tác động lớn nhất đến cảm xúc tích cực của sinh viên; hoạt động đào tạo là nhân tố tác động lớn nhất đến cảm nhận về sự gắn kết và thành tựu của sinh viên; sự hỗ trợ sinh viên là nhân tố tác động lớn nhất đến cảm nhận về mối quan hệ của sinh viên; hoạt động ngoại khóa là nhân tố tác động lớn nhất đến cảm nhận về ý nghĩa của sinh viên.

Nhìn chung, vẫn còn nhiều nghiên cứu khác liên quan đến cảm nhận HP của sinh viên và mỗi nghiên cứu đều có những nhận định, kết quả riêng phù hợp với mục tiêu tại thời điểm và không gian nghiên cứu. Tuy nhiên, so với các nghiên cứu ngoài nước, tại Việt Nam các tác giả chỉ đang dừng lại ở nghiên cứu định tính và định lượng về các yếu tố tác động đến cảm nhận HP của sinh viên, chưa có nghiên cứu về mối quan hệ giữa yếu tố cảm nhận HP và kết quả học tập của SV. Do vậy, kế thừa các nghiên cứu trong và ngoài nước, tác giả tiếp cận nội dung theo hướng nghiên cứu về mối liên hệ giữa cảm nhận hạnh phúc và kết quả học tập của sinh viên tại các trường Đại học trên địa bàn của tỉnh Đồng Nai.

2.4 Mô hình nghiên cứu

Dựa trên việc tiếp nhận lý thuyết của thang đo PERMA được Butler và cộng sự phát triển [5] và kế thừa các nghiên cứu trước, mô hình nghiên cứu về mối quan hệ giữa cảm nhận hạnh phúc và kết quả học tập của sinh viên các trường Đại học trên địa bàn tỉnh Đồng Nai bao gồm các yếu tố được thể hiện trong hình 1 bên dưới:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Các giả thuyết nghiên cứu:

Cảm xúc tích cực bao gồm các trạng thái như hạnh phúc, lạc quan, tự tin và hứng khởi trong học tập. Trên thực tế, khi sinh viên trải nghiệm học tập với những cảm xúc tích cực, họ có xu hướng tham gia tích cực hơn vào quá trình học tập, cải thiện khả năng tập trung, và nâng cao kết quả học tập tổng thể. Các cảm xúc tích cực có thể làm tăng cảm nhận về HP và thúc đẩy các giá trị về tinh thần học hỏi, tự học một cách mạnh mẽ [1, 14]. Giả thuyết đầu tiên được đưa ra như sau:

H1: Cảm xúc tích cực có quan hệ cùng chiều đến kết quả học tập của sinh viên.

Sự gắn kết của sinh viên với môi trường học tập được cho là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến kết quả học tập. Sự gắn kết thể hiện qua việc sinh viên tham gia hăng hái các hoạt động học tập, cảm thấy cuốn hút, tận tâm vào những việc bạn đang làm trong quá trình học. Khi mức độ gắn kết ở mức cao sẽ giúp sinh viên phát triển động lực học tập mạnh mẽ hơn, từ đó cải thiện kết quả học tập [7, 13]. Giả thuyết thứ 2 được đưa ra như sau:

H2: Sự gắn kết có quan hệ cùng chiều đến kết quả học tập của sinh viên.

Các mối quan hệ bao gồm quan hệ với giảng viên, bạn học, và các hỗ trợ dịch vụ khác trong trường học đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy kết quả học tập. Khi các mối quan hệ này diễn ra thuận lợi một mặt sẽ giúp sinh viên cảm thấy được hỗ trợ, được tư vấn, và chia sẻ kinh nghiệm từ đó các hoạt động diễn ra hài hòa xuyên suốt, góp phần gia tăng kết quả học tập [7, 13]. Giả thuyết thứ 3 được đưa ra như sau:

H3: Các mối quan hệ có quan hệ cùng chiều đến kết quả học tập của sinh viên

Ý nghĩa bao gồm xác định được mục tiêu và ý nghĩa trong học tập giúp sinh viên định hướng và xây dựng giá trị cá nhân trong quá trình học tập. Khi sinh viên nhận thức được ý nghĩa và mục tiêu của việc học, họ có xu hướng học tập một cách nghiêm túc hơn, kiên trì đối mặt với khó khăn và nỗ lực kết nối, phát huy các giá trị để đạt được thành tích tốt xứng đáng hơn [7, 13]. Giả thuyết thứ 4 được đưa ra như sau:

H4: Ý nghĩa có quan hệ cùng chiều đến kết quả học tập của sinh viên

Thành tựu thể hiện qua việc sinh viên nhận thức và cảm giác được những tiến bộ nhỏ và lớn trong quá trình học tập. Theo đó, khi sinh viên cảm thấy mình đạt được các mục tiêu thiết lập, dù là ở mức độ hoàn thành nào, họ sẽ tăng cường sự tự tin và động lực, thúc đẩy quá trình học tập phát triển tích cực, từ đó cải thiện kết quả học tập [7, 13]. Giả thuyết thứ 5 được đưa ra như sau:

H5: Cảm nhận về thành tựu có quan hệ cùng chiều đến kết quả học tập của sinh viên.

Nội dung mã hóa các biến độc lập và thang đo được trình bày trong Bảng 1.

Bảng 1. Thang đo HP của sinh viên

Cảm xúc tích cực	
CX1	Bạn luôn cảm thấy vui vẻ khi học tập
CX2	Bạn luôn cảm thấy tích cực khi học tập
CX3	Bạn luôn cảm thấy hài lòng khi tham gia học tập
Sự gắn kết	
GK1	Bạn thường xuyên bị cuốn hút vào những việc bạn đang làm trong quá trình học
GK2	Bạn cảm thấy phấn khích và hứng thú với những điều mình đang làm trong quá trình học
GK3	Bạn thường dành nhiều thời gian ưu tiên cho việc học tập
Các mối quan hệ	
QH1	Bạn thường nhận được sự hỗ trợ và giúp đỡ từ người khác khi bạn cần
QH2	Bạn được mọi người quan tâm
QH3	Bạn hài lòng với các mối quan hệ cá nhân
Ý nghĩa	
YN1	Bạn sống có mục đích và cảm thấy cuộc sống ý nghĩa
YN2	Những điều bạn làm tạo ra giá trị trong cuộc sống
YN3	Nhìn chung, bạn có định hướng rõ ràng trong cuộc sống
Thành tựu	
TT1	Bạn cảm thấy mình tiến bộ trong việc hoàn thành các mục tiêu
TT2	Bạn thường xuyên đạt được các mục tiêu quan trọng khi bạn thiết lập cho chính mình
TT3	Nhìn chung, bạn luôn hoàn thành tốt các mục tiêu đề ra

Trong nghiên cứu, tác giả đã xây dựng một bảng hỏi bao gồm 15 thang đo về cảm nhận HP ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên. Bảng hỏi này thu thập thông tin cá nhân của các bạn sinh viên đang theo học tại trường ĐH Lạc Hồng, trường ĐH Đồng Nai và trường ĐH Công Nghệ miền Đông và yêu cầu họ đánh giá mức độ đồng ý với các phát biểu liên quan về mối quan hệ giữa cảm nhận hạnh phúc và kết quả học tập của sinh viên tại các trường Đại học trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Thang đo được sử dụng trong nghiên cứu là thang đo Likert mức 1 – Rất không đồng ý cho đến mức 5 – Rất đồng ý.

Nghiên cứu tiến hành khảo sát trực tiếp sinh viên trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ ngày 01/5 đến ngày 05/6/2024. Số liệu sau đó được tác giả tổng hợp và phân tích thông qua phần mềm SPSS 22.0.

Mẫu nghiên cứu được chọn theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện. Tuy nhiên, để đảm bảo cỡ mẫu có tính đại diện tổng thể và đảm bảo được độ tin cậy về kích thước mẫu tác giả tiến hành phát ra 350 phiếu.

Trong đó, trường ĐH Lạc Hồng: 150 phiếu, trường ĐH Đồng Nai: 100 phiếu, trường ĐH Công Nghệ Miền Đông: 100 phiếu.

Số phiếu thu về: 350.

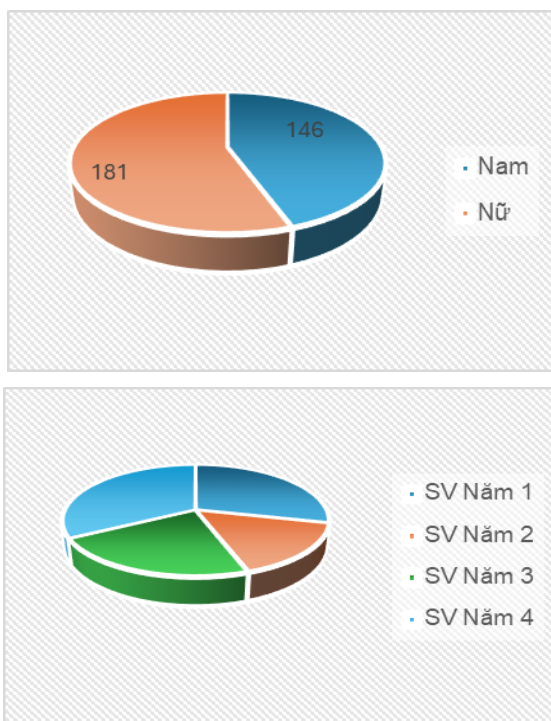
Số phiếu hợp lệ: 327/350 (93,43%).

Nghiên cứu sử dụng một số phương pháp phân tích dữ liệu được áp dụng khá phổ biến trong các nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế- xã hội như: đánh giá độ tin cậy của các thang đo qua kiểm định Cronbach's Alpha để loại bỏ các biến thang đo có độ tin cậy thấp, đảm bảo rằng các biến thang đo trong cùng một yếu tố phản ánh cùng một nội dung, phân tích nhân tố khám phá EFA để đánh giá và loại bỏ các thang đo không phù hợp hoặc câu hỏi trùng lặp trong mỗi nhóm câu hỏi, và phân tích hồi qui Binary Logistic để kiểm định các giả thuyết nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ KHUYẾN NGHỊ

Bảng 2. Kết quả về thống kê mô tả

Phân bố N= 327		Tần số	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	146	44.65%
	Nữ	181	55.35%
Sinh viên	Năm 1	94	28.75%
	Năm 2	52	15.90%
	Năm 3	73	22.32%
	Năm 4	108	33.03%

**Biểu đồ 1. Thống kê mô tả mẫu**

Về giới tính, trong số 327 phiếu khảo sát hợp lệ, kết quả xử lý dữ liệu trích xuất từ SPSS 22.0 cho thấy số lượng sinh viên nam là 146, chiếm tỷ lệ 44.65% trên tổng số mẫu. Số lượng sinh viên nữ là 181 người, chiếm tỷ lệ 55.35% trên tổng số mẫu. Như vậy, tỷ lệ sinh viên nam và sinh viên nữ được khảo sát trong nghiên cứu tương đối đồng đều.

Về phân bố sinh viên, số lượng sinh viên năm nhất là 94, chiếm tỷ lệ 28.75%, số lượng sinh viên năm hai là 52, chiếm tỷ lệ 15.90%, số lượng sinh viên năm ba là 73, chiếm tỷ lệ 22.32%, số lượng sinh viên năm 4 là 108, chiếm tỷ lệ 33.03%.

Bảng 3. Kết quả phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha

Thành phần	Ký hiệu	Cronbach's Alpha
Cảm xúc tích cực	CX	0,876
Sự gắn kết	GK	0,729
Các mối quan hệ	QH	0,441
Ý nghĩa	YN	0,870
Thành tựu	TT	0,792

Kết quả chạy dữ liệu cho thấy chỉ có biến QH có hệ số Cronbach's Alpha <0,6 và các thang đo có hệ số tương quan nhỏ hơn 0,3 nên loại biến, còn lại các biến đều có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,7 và hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3. Điều này chứng tỏ các thang đo phù hợp, theo đó, các biến đo lường các khái niệm nghiên cứu đều được sử dụng trong phân tích EFA tiếp theo. Nghiên cứu tiến hành phân tích nhân tố EFA của các biến độc lập còn lại.

Kết quả cho thấy hệ số KMO = 0,703 > 0.5 và Sig: 0,000 < 0,05 cho thấy mức ý nghĩa của tập hợp dữ liệu đưa vào

phân tích nhân tố khá cao, chứng tỏ mô hình phân tích nhân tố phù hợp.

Bảng 4. Kết quả phân tích hồi quy Binary Logistic

	B	S.E.	Wald	df	Sig.
CX	.808	.237	11.358	1	.000
GK	1.012	.294	15.064	1	.000
Step 1 ^a YN	1.031	.385	29.097	1	.000
TT	.649	.263	7.671	1	.006
Cons	-12.147	2.205	42.832	1	.000

Ta có phương trình hồi quy theo Binary logistic như sau:

$$\text{Log} \left[\frac{p(Y=1)}{p(Y=0)} \right] = -12.147 + 1.031YN + 1.012GK + 0.808CX + 0.649TT$$

Bảng 4 cho thấy Sig. của cả 4 nhân tố đều nhỏ hơn 0,05 điều này cho thấy, các nhân tố này đều có ý nghĩa thống kê trong việc giải thích sự tác động đến kết quả học tập của sinh viên.

Bảng 5. Kiểm định sự phù hợp của mô hình

	Chi-square	df	Sig.
Step	90.748	4	.000
Step 1 Block	90.748	4	.000
Model	90.748	4	.000

Kết quả ở bảng 5 cho thấy: độ phù hợp tổng quát có mức ý nghĩa quan sát Sig. = 0.000 < 0.05 nghĩa là tổ hợp liên hệ tuyến tính của toàn bộ các hệ số trong mô hình có ý nghĩa trong việc giải thích cho biến phụ thuộc.

Bảng 6. Kết quả dự báo của mô hình

Observed		Predicted			
		Kết quả học tập của SV			%
		0	1		
Step 1	Kết quả học tập của SV	0	35	28	55.56
		1	22	305	93.27
	Overall Percentage				74.42

Qua bảng 6 cho thấy: trong 73 trường hợp được dự đoán về việc HP không có tác động đến kết quả học tập của sinh viên thì mô hình đã dự đoán đúng 35 trường hợp tương ứng tỷ lệ là 55.56%. Còn 327 trường hợp được dự đoán về HP tác động đến kết quả học tập của sinh viên thì

mô hình đã dự đoán đúng 305 trường hợp tương ứng với tỷ lệ là 93.27%. Từ điều này, ta tính được tỷ lệ dự đoán đúng của toàn bộ mô hình là 74.42%.

Theo kết quả nghiên cứu có thể thấy rằng cảm nhận hạnh phúc và kết quả học tập của sinh viên có mối quan hệ cùng chiều, trong đó yếu tố *ý nghĩa* có tác động đến kết quả học tập của sinh viên nhiều nhất (Beta=1.031), tiếp đến là *sự gắn kết* (Beta= 1.012), tiếp đến là *cảm xúc tích cực* (Beta=0.868), cuối cùng là *thành tựu* (Beta=0.649). Điều này có nghĩa là khi một trong các yếu tố này thay đổi tăng hay giảm thì sẽ ít nhiều tác động đến kết quả học tập của sinh viên ở các mức độ khác nhau. Kết quả này cũng khá tương đồng với các nghiên cứu trước của Mustafa và cộng sự (2020), Gunasekara và cộng sự (2021). Do vậy, việc cân bằng và gia tăng những yếu tố trên là cần thiết để duy trì và nâng cao hơn kết quả học tập trong tương lai. Một số khuyến nghị đề xuất đối với các cơ sở giáo dục bao gồm:

Thứ nhất, trong việc thiết kế chương trình học, cần tích hợp các ứng dụng thực tiễn và có tính liên quan cao, đặc biệt thiết kế bài giảng cần rà soát và bám sát nhu cầu của ngành trong từng giai đoạn từ đó xây dựng nội dung giảng dạy và phương pháp đánh giá có tính đáp ứng cao trong chương trình. Theo đó, giảng viên cần tiếp tục được trang bị kỹ năng sư phạm số và tiếp cận các kỹ năng giảng dạy hiện đại bao gồm việc ứng dụng các công cụ kỹ thuật số như bảng tương tác, nền tảng học tập trực tuyến, phần mềm quản lý lớp học và các công cụ phân tích dữ liệu học tập. Những kỹ năng này không chỉ giúp giảng viên tiếp cận các tài nguyên giảng dạy đa dạng mà còn hỗ trợ họ tạo ra các phương pháp giảng dạy sáng tạo, thu hút sinh viên tham gia vào quá trình học. Mặt khác, xanh hóa chương trình đào tạo một mặt giúp nâng cao chất lượng giáo dục mặt khác trang bị cho sinh viên những kỹ năng và kiến thức cần thiết để trở thành những công dân có trách nhiệm và bền vững.

Thứ hai, áp dụng các chiến lược học tập tích cực như thảo luận nhóm, dự án và các hoạt động thực hành thực tế đa dạng để sinh viên tham gia tích cực và chủ động vào quá trình học. Khuyến khích sinh viên đặt mục tiêu cá nhân và học tập phù hợp với sở thích và nguyện vọng của họ trong mỗi học phần nói riêng và toàn khóa học nói chung. Mặt khác, cung cấp phản hồi kịp thời và xây dựng để giữ cho sinh viên gắn kết và có động lực cải thiện, phát triển việc học tập.

Thứ ba, cần có sự phối hợp thường xuyên giữa cố vấn học tập/giáo viên chủ nhiệm và gia đình để nâng cao sự thấu hiểu từ đó quan tâm, hỗ trợ kịp thời về tư vấn tâm lý, hiểu rõ về quá trình học tập, các giai đoạn cột mốc quan trọng, nhằm hỗ trợ về sức khỏe tinh thần cho các bạn sinh viên không những đúng lúc mà ngày càng tinh tế, tích cực và mang lại kết quả tốt hơn.

Bằng cách tập trung vào những lĩnh vực này, tùy vào điều kiện, chiến lược phát triển trong dài hạn, ngắn hạn và quy mô sinh viên, các cơ sở giáo dục có thể tạo ra một môi trường học tập toàn diện và tích cực hơn, từ đó hướng đến không chỉ nâng cao kết quả học tập trong giai đoạn hiện tại mà còn thúc đẩy sự phát triển toàn

diện và thành công của sinh viên trong các giai đoạn tiếp theo trong học tập, công việc và trong cuộc sống.

Song song với những mục tiêu đạt được thì nghiên cứu cũng có những hạn chế về kích thước mẫu, phạm vi nghiên cứu và tùy vào từng bối cảnh, giai đoạn mà các yếu tố này có thể có sự tác động khác nhau. Theo đó, kết quả của nghiên cứu trên vẫn cần tiếp tục được mở rộng và tối ưu hóa hơn nữa ở nội dung của các công trình nghiên cứu liên quan trong tương lai.

5. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Tabbodi, M., Rahgozar, H., & Makki Abadi, M. M. The relationship between happiness and academic achievements. *European Online Journal of Natural and Social Sciences: Proceedings*, **2015**, 4(1), 241-246.
- [2] Boehm, J. K., & Lyubomirsky, S. Does happiness promote career success? *Journal of career assessment*, **2008**, 16(1), 101-116.
- [3] Gunasekara, N. S.W., & Jayasekara, A. J. The impact of happiness on the academic performance of undergraduates of the Faculty of Humanities and social sciences, University of Ruhuna, Srilanka. *International Journal of Humanities*, **2021**, Vol. 6, No.3, 47-55.
- [4] Moussa, N. M., & Ali, W. F. Exploring the relationship between students' academic success and happiness levels in the higher education settings during the lockdown period of COVID-19. *Psychological Reports*, **2022**, 125(2), 986-1010.
- [5] Casas, F., Bello, A., González, M., & Aliqué, M. Children's Subjective Well Being Measured Using a Composite Index: What Impacts Spanish First-Year Secondary Education Students' Subjective Well-Being? *Child Indicators Research*, **2013**, 6, 433-460.
- [6] Aulia, F., Hastjarjo, T. D., Setiyawati, D., & Patria, B. Student well-being: a systematic literature review. *Buletin Psikologi*, **2020**, 28(1), 1-14.
- [7] Butler, J., & Kern, M. L. The PERMA-Profil: A brief multidimensional measure of flourishing. *International journal of wellbeing*, **2016**, 6(3).
- [8] Lyubomirsky, S., King, L., & Diener, E. The benefits of frequent positive affect: Does happiness lead to success? *Psychological bulletin*, **2005**, 131(6), 803.
- [9] Uusitalu, S. On the positive connection between success and happiness. *International Journal of Research Studies in Psychology*, **2013**, 3(1).
- [10] Mustafa, M. B., Rani, N. H. M., Bistaman, M. N., Salim, S. S., Ahmad, A., Zakaria, N. H., & Safian, N. A. A. The relationship between psychological well-being and university students academic achievement. *International Journal of Academic Research in Business and Social Sciences*, **2020**, 10(7), 518-525.
- [11] Thời, B. V. Các nhân tố ảnh hưởng đến cảm nhận hạnh phúc của sinh viên Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. *Tạp chí kinh tế và dự báo*, **2024**.
- [12] Tường, N. V., & Thụ, N.H.A. Cảm nhận hạnh phúc của sinh viên Khoa Giáo dục, trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Giáo dục và xã hội*, **2020**, Số đặc biệt, 149-155.
- [13] Thi, Đ. T. Các nhân tố ảnh hưởng đến cảm nhận hạnh phúc của sinh viên- Nghiên cứu tại Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. *TNU Journal of Science and Technology*, **2022**, 227(12), 34-44.
- [14] Hascher, T. Quantitative and qualitative research approaches to assess student well-being. *International Journal of Educational Research*, **2008**, 47(2), 84-96.